

**BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2005/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quyết định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/12/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Vận tải,

định này "Quy định về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**BỘ TRƯỞNG**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết

**Đào Đình Bình**

**BỘ GIAO THÔNG  
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Về đăng ký phương tiện giao thông đường sắt**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 55/2005/QĐ-BGTVT  
ngày 28 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về việc đăng ký và quản lý việc đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có sở hữu phương tiện giao thông đường sắt hoạt động trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia; tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đăng ký và quản lý việc đăng ký phương tiện giao thông đường sắt.

2. Đối với phương tiện giao thông đường sắt tham gia liên vận đường sắt quốc tế, ngoài việc áp dụng Quy định này còn phải thực hiện các quy định về liên vận đường sắt quốc tế có liên quan.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường sắt quốc gia* là đường sắt phục vụ cho nhu cầu vận tải chung của cả nước, từng vùng kinh tế và liên vận quốc tế.

2. *Đường sắt đô thị* là đường sắt phục vụ cho nhu cầu đi lại hàng ngày của hành khách ở thành phố, vùng phụ cận.

3. *Đường sắt chuyên dùng* là đường sắt phục vụ cho nhu cầu vận tải riêng của tổ chức, cá nhân.

4. *Phương tiện giao thông đường sắt (sau đây được gọi tắt là phương tiện)* là đầu máy, toa xe, toa xe động lực và các loại phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt.

5. *Thay đổi thông số kỹ thuật chủ yếu của phương tiện* là thay đổi một trong các thông số sau đây:

a) *Đối với đầu máy* là thay đổi động cơ khác kiểu loại; thay đổi công suất động cơ; thay đổi kiểu truyền động; thay đổi khổ đường.

b) *Đối với toa xe* là thay đổi giá chuyển hướng mà có làm thay đổi khổ đường.



c) Đối với phương tiện chuyên dùng là thay đổi tính năng sử dụng; thay đổi khổ đường.

6. Bản sao hợp lệ là bản sao do doanh nghiệp tự sao y và tự chịu trách nhiệm về tính trung thực trước pháp luật.

## Chương II

### ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN

#### Điều 4. Quy định chung về việc đăng ký phương tiện

Đăng ký phương tiện bao gồm các việc sau đây:

1. Đăng ký lần đầu là việc cấp giấy chứng nhận đăng ký cho phương tiện nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp trong nước trước khi đưa phương tiện vào tham gia giao thông trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia;

2. Đăng ký lại là việc thu hồi, xóa tên giấy chứng nhận đăng ký cũ và cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho phương tiện; áp dụng đối với phương tiện khi:

a) Thay đổi tính năng sử dụng hoặc khi thay đổi các thông số kỹ thuật chủ yếu;

b) Khi chuyển quyền sở hữu phương tiện.

3. Xóa đăng ký là việc xóa tên đăng ký của phương tiện trong sổ đăng ký; áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Phương tiện không còn sử dụng cho giao thông đường sắt;

b) Phương tiện bị mất tích, bị phá hủy.

4. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện là việc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cho phương tiện đã có giấy chứng nhận đăng ký nhưng giấy chứng nhận đăng ký của phương tiện bị thất lạc, mất, hư hỏng và chủ sở hữu phương tiện có đề nghị.

#### Điều 5. Trình tự, thủ tục đăng ký

1. Phương tiện có đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Quy định này sẽ được cơ quan có thẩm quyền về đăng ký phương tiện (sau đây gọi là cơ quan đăng ký phương tiện) làm thủ tục đăng ký;

2. Chủ sở hữu phương tiện nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký phương tiện tại cơ quan đăng ký phương tiện;

3. Cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ và làm thủ tục đăng ký theo đề nghị của chủ sở hữu phương tiện.

#### Điều 6. Hồ sơ đăng ký lần đầu

Hồ sơ đăng ký lần đầu bao gồm các giấy tờ sau đây:

1. Đơn đề nghị đăng ký phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Quy định này;

2. Bản sao hợp lệ hợp đồng mua bán

hoặc sản xuất phương tiện (hoặc hóa đơn mua bán phương tiện), hoặc bản sao hợp lệ quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền. Riêng phương tiện nhập khẩu phải có thêm bản chính tờ khai hải quan dùng cho hàng nhập khẩu;

3. Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do cơ quan đăng kiểm cấp;

4. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

### **Điều 7. Hồ sơ đăng ký lại**

1. Hồ sơ đăng ký lại trong trường hợp chuyển quyền sở hữu bao gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Quy định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Bản sao hợp lệ hợp đồng mua bán phương tiện (hoặc hóa đơn bán hàng), hoặc bản sao hợp lệ quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền;

d) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Hồ sơ đăng ký lại trong trường hợp phương tiện thay đổi mục đích sử dụng hoặc thay đổi thông số kỹ thuật chủ yếu, bao gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện

theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Quy định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện do cơ quan có thẩm quyền cấp;

c) Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do cơ quan đăng kiểm cấp.

### **Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện**

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại trong trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị thất lạc, bị mất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 kèm theo Quy định này;

b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện do cơ quan đăng kiểm cấp;

c) Bản sao hợp lệ các giấy tờ xác nhận quyền sở hữu phương tiện (hợp đồng mua bán phương tiện, quyết định điều chuyển phương tiện).

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại trong trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 kèm theo Quy định này;

b) Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký cũ.



### **Điều 9. Hồ sơ đề nghị xóa tên, thu hồi đăng ký**

Hồ sơ đề nghị xóa tên, thu hồi đăng ký bao gồm:

1. Giấy đề nghị xóa đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 kèm theo Quy định này;

2. Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký cũ đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp.

### **Điều 10. Cách đánh số đăng ký của đầu máy**

Số đăng ký của đầu máy gồm 2 hàng nhóm chữ cái, số và dấu gạch ngang.

1. Hàng thứ nhất (hàng trên) chỉ ký hiệu tên cơ quan đăng ký gồm 3 chữ cái VRA (Viết tắt của cụm từ tiếng Anh: Vietnam Railway Administration - Cục Đường sắt Việt nam);

2. Hàng thứ hai (hàng dưới) chỉ kiểu loại đầu máy, công suất động cơ, kiểu truyền động, khổ đường và số đăng ký gồm 3 nhóm chữ cái và số; dấu gạch ngang; nhóm chữ số.

a) Nhóm thứ nhất (nhóm chữ cái và số) gồm:

01 chữ cái viết in hoa đứng đầu chỉ kiểu loại đầu máy: Đầu máy hơi nước là H, đầu máy Diesel là D, đầu máy điện là Đ;

Sau chữ cái thứ nhất là 2 chữ số: chỉ

công suất đầu máy quy tròn theo bội số 100;

Sau hai chữ số là một chữ cái in hoa: chỉ kiểu truyền động. Truyền động điện là E, truyền động thủy lực là H;

Sau chữ cái in hoa chỉ kiểu truyền động nếu đầu máy khổ đường 1435mm thì có thêm chữ r;

b) Nhóm thứ 2 (dấu gạch ngang): dấu ngăn cách

c) Nhóm thứ 3 (nhóm chữ số): gồm 3 chữ số từ 001 đến 999. Chỉ số thứ tự đăng ký của đầu máy trong số đăng ký.

3. Ví dụ:

a) Số đăng ký của đầu máy Bể Diesel khổ đường 1000mm truyền động điện có công suất động cơ 1800CV có số đăng ký 124 được viết là:

**VRA**

**D18E - 124**

b) Số đăng ký của đầu máy Đông phong Diesel khổ đường 1435mm truyền động điện có công suất động cơ 1800CV có số đăng ký 003 được viết là:

**VRA**

**D18Er - 003**

### **Điều 11. Cách đánh số đăng ký của toa xe**

Số đăng ký toa xe gồm 2 hàng nhóm chữ cái, số và dấu gạch ngang.

1. Hàng thứ nhất (hàng trên) chỉ ký hiệu tên cơ quan đăng ký gồm 3 chữ cái VRA (Viết tắt của cụm từ tiếng Anh: Vietnam Railway Administration - Cục Đường sắt Việt Nam);

2. Hàng thứ hai (hàng dưới) chỉ chủng loại toa xe, khổ đường và số thứ tự đăng ký của toa xe trong số đăng ký gồm 3 nhóm chữ cái, dấu gạch ngang, và nhóm bốn chữ số.

a) Nhóm thứ nhất (nhóm chữ cái) gồm từ 2 đến 3 chữ cái đầu chỉ chủng loại toa xe và khổ đường;

Hai chữ cái in hoa đầu chỉ chủng loại toa xe (theo quy định tại Phụ lục 6 kèm theo Quy định này).

Nếu toa xe khổ đường 1435mm thì sau hai chữ cái trên có thêm chữ r thường.

b) Nhóm thứ 2 (dấu gạch ngang): dấu ngăn cách

c) Nhóm thứ 3 (nhóm chữ số): gồm bốn chữ số từ 0001 đến 9999 chỉ số thứ tự đăng ký của toa xe trong số đăng ký.

3. Ví dụ:

Số đăng ký của toa xe hàng thành cao có mui khổ đường 1000mm có số đăng ký 1234 được viết là;

**VRA**

**GG - 1234**

Số đăng ký của toa xe hàng thành

thấp không mui khổ đường 1435mm có số đăng ký 1315 được viết là:

**VRA**

**NNr - 1315**

Số đăng ký của toa xe khách ghế ngồi mềm khổ đường 1000mm có số đăng ký 0126 được viết là

**VRA**

**AA - 0126**

Số đăng ký của toa xe khách ghế ngồi cứng khổ đường 1435 có số đăng ký 1425 được viết là

**VRA**

**BBr - 1425**

**Điều 12. Cách đánh số đăng ký của phương tiện chuyên dùng đường sắt**

Số đăng ký phương tiện chuyên dùng gồm 2 hàng nhóm chữ cái, số và dấu gạch ngang

1. Hàng thứ nhất (hàng trên) chỉ ký hiệu tên cơ quan đăng ký gồm 3 chữ cái VRA (Viết tắt của cụm từ tiếng Anh: Vietnam Railway Administration - Cục Đường sắt Việt Nam);

2. Hàng thứ hai (hàng dưới) gồm 3 nhóm chữ cái, dấu gạch ngang và nhóm chữ số chỉ chủng loại phương tiện chuyên dùng, khổ đường và số thứ tự đăng ký phương tiện trong số đăng ký.



a) Nhóm thứ nhất (nhóm chữ cái): gồm từ 2 đến 3 chữ cái in hoa chỉ chủng loại phương tiện chuyên dùng.

Goòng máy (bao gồm cả ô tô ray): **GM**;

Máy chèn đường: **MCD**;

Máy đặt ray: **MĐR**;

Goòng kiểm tra đường: **GKT**;

Nếu phương tiện chuyên dùng đường sắt khổ đường 1435mm thì sau nhóm chữ cái trên có thêm chữ r viết thường.

b) Nhóm thứ 2 (dấu gạch ngang): Dấu ngăn cách.

c) Nhóm thứ 3 (nhóm chữ số): gồm ba chữ số từ 001 đến 999 chỉ số thứ tự đăng ký phương tiện chuyên dùng trong số đăng ký.

3. Ví dụ:

Goòng máy khổ đường 1000mm có số đăng ký 012 được viết là:

**VRA**

**GM - 012**

Máy chèn đường khổ đường 1435mm có số đăng ký là 017 được viết là:

**VRA**

**MCDr - 017**

4. Riêng cần cầu đường sắt việc đăng ký được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2003/TT-BLĐTBXH ngày 03/11/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

### **Điều 13. Quy định về kẻ số đăng ký trên phương tiện**

1. Sau khi được cấp số đăng ký, chủ sở hữu phương tiện phải kẻ số đăng ký của phương tiện trên 2 bên thành phương tiện.

2. Màu sơn của số đăng ký phương tiện:

a) Sơn màu trắng hoặc màu vàng nếu thành của phương tiện là màu sẫm;

b) Sơn màu xanh coban hoặc màu đen nếu thành của phương tiện là màu sáng.

3. Kích thước chữ, số của số đăng ký phương tiện giao thông đường sắt theo mẫu quy định tại Phụ lục 7.

### **Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký phương tiện**

1. Tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện theo quy định; hướng dẫn chủ phương tiện lập hồ sơ đăng ký phương tiện.

2. Sau khi đã nhận đủ hồ sơ theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 9 của Quy định này, cơ quan đăng ký phương tiện có trách nhiệm cấp xong giấy chứng nhận đăng ký phương tiện cho chủ sở hữu phương tiện trong thời hạn không quá 7 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, phải thông báo ngay cho chủ phương tiện biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

4. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu hoặc đăng ký lại theo mẫu quy định tại Phụ lục số 5. Riêng trường hợp cấp lại thì có đóng thêm dấu “Cấp lại lần 1, 2...” trên giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

5. Lập sổ đăng ký phương tiện, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký phương tiện.

6. Theo dõi, tổng hợp tình hình đăng ký phương tiện, thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự kiểm tra, chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải.

7. Quản lý, in ấn và sử dụng các ấn chỉ phục vụ công tác đăng ký phương tiện.

8. Thu và sử dụng lệ phí đăng ký phương tiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Trách nhiệm của chủ phương tiện**

1. kê khai và nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký phương tiện theo quy định cho cơ quan đăng ký phương tiện.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và hợp pháp của hồ sơ.

3. Nộp phí, lệ phí đăng ký phương tiện theo quy định của pháp luật.

4. Khi phương tiện là các loại đầu máy, phương tiện chuyên dùng có động cơ và có người điều khiển chạy trên đường sắt, người điều khiển phương tiện phải mang theo bản sao giấy chứng nhận đăng ký

phương tiện (có xác nhận của cơ quan Công chứng nhà nước) để phục vụ cho việc kiểm tra của các cơ quan chức năng.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 16. Cơ quan đăng ký phương tiện**

1. Cục Đường sắt Việt Nam là cơ quan tổ chức quản lý và thực hiện việc đăng ký phương tiện.

2. Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam hoặc người được Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam ủy quyền có quyền ký giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.

#### **Điều 17. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các phương tiện giao thông đường sắt đang vận dụng, khai thác trên các mạng đường sắt nói ở Điều 2 của Quy định này đã được các cơ quan có thẩm quyền trước đây làm thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận đăng ký được giữ nguyên số đăng ký cũ.

2. Các cơ quan thực hiện việc đăng ký phương tiện giao thông đường sắt trước đây lưu giữ hồ sơ phương tiện và lập báo cáo cụ thể về chủng loại phương tiện đã cấp số đăng ký gửi cho Cục Đường sắt Việt Nam để tiếp tục theo dõi và quản lý phương tiện. Trường hợp cần xác minh



cụ thể. Cục Đường sắt Việt Nam trực tiếp làm việc với các cơ quan lưu giữ hồ sơ phương tiện để giải quyết.

### **Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Cục Đường sắt Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân báo cáo kịp thời về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đào Đình Bình**

09685446

Phụ lục số 1

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu)*

Kính gửi: .....

Tên chủ phương tiện.....

Địa chỉ.....

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng).....

Nhãn hiệu .....

Nước sản xuất..... Nhà sản xuất..... Năm sản xuất.....

Động cơ (Nếu có - Ghi rõ số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất) .....

Số Giấy chứng nhận ATKT &amp; BVMT: .....

**ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT**

Khổ đường (mm)	
Tự trọng (Tấn)	
Tải trọng (Tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Công suất động cơ	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước lớn nhất của phương tiện: Dài, cao, rộng	
Kiểu loại phương tiện	

Giấy tờ kèm theo gồm:

.....  
.....  
.....  
.....

Tôi xin cam đoan toàn bộ hồ sơ giấy tờ trên là hợp lệ. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật

Nay đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho phương tiện trên.

..... Ngày..... tháng..... năm.....

**Xác nhận của chính quyền địa phương**  
**Cấp phường xã nơi chủ phương tiện**  
**thường trú**

**(nếu chủ phương tiện là cá nhân)**

(Ký tên, đóng dấu)

**Chủ phương tiện**

(Ký tên, đóng dấu - nếu là cơ quan)



Phụ lục số 2

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Dùng cho phương tiện đăng ký lại)*

Kính gửi: .....  
Tên chủ phương tiện.....  
Địa chỉ.....  
Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng).....  
Nhãn hiệu.....  
Nước sản xuất..... Nhà sản xuất..... Năm sản xuất.....  
Động cơ (Nếu có - Ghi rõ số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất).....  
.....  
Số Giấy chứng nhận ATKT & BVMT: .....

**ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT**

Khổ đường (mm)	
Tự trọng (Tấn)	
Tải trọng (Tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Công suất động cơ	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước lớn nhất của phương tiện: Dài, cao, rộng	
Kiểu loại phương tiện	

***Phương tiện này đã được***

- Mua lại (hoặc điều chuyển) từ: Cơ quan (hoặc cá nhân) .....  
theo Quyết định điều chuyển số (hoặc hợp đồng mua bán).....
- Thay đổi tính năng kỹ thuật chủ yếu theo Quyết định số.....
- Đã đăng ký tại ..... Giấy chứng nhận đăng ký số.....

Ngày .....tháng..... năm.....

Nay đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam đăng ký lại phương tiện trên

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

..... Ngày..... tháng..... năm.....

**Xác nhận của chính quyền địa phương**  
**Cấp phường xã nơi chủ phương tiện**  
**thường trú (nếu chủ phương tiện là cá nhân)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Chủ phương tiện**  
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT  
(Dùng cho phương tiện bị mất đăng ký)**

Kính gửi: .....

Tên chủ phương tiện.....

Địa chỉ.....

Hiện đang là chủ loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng)

Số đăng ký..... Do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Có đặc điểm cơ bản sau:

Nhãn hiệu .....

Nước sản xuất..... Nhà sản xuất..... Năm sản xuất.....

Động cơ (Nếu có - Ghi rõ số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất) .....

.....

Số Giấy chứng nhận ATKT &amp; BVMT: .....

**ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT**

Khổ đường (mm)	
Tự trọng (Tấn)	
Tải trọng (Tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Công suất động cơ	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước lớn nhất của phương tiện: Dài, cao, rộng	
Kiểu loại phương tiện	

Nay đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện trên với lý do: (nêu rõ lý do mất Giấy chứng nhận đăng ký, thời gian, địa điểm mất.....)

.....

.....

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

..... Ngày..... tháng..... năm.....

**Xác nhận của chính quyền địa phương****Chủ phương tiện**

**Cấp phường xã nơi chủ phương tiện** (Ký tên, đóng dấu - Nếu là cơ quan)  
thường trú (nếu chủ phương tiện là cá nhân)

(Ký tên, đóng dấu)

09685446



Phụ lục số 4

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN**  
**GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**  
*(Dùng cho phương tiện xóa tên đăng ký)*

Kính gửi: .....

Tên chủ phương tiện.....

Địa chỉ.....

Loại phương tiện (Đầu máy, toa xe, phương tiện chuyên dùng).....

Nhãn hiệu .....

Phương tiện này đã đăng ký tại..... Giấy chứng nhận đăng ký số..... Ngày..... tháng..... năm.....

Lý do xóa đăng ký.....

.....

Nay đề nghị Cục Đường sắt Việt Nam xóa tên đăng ký phương tiện trên  
Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kể trên.

..... Ngày..... tháng..... năm.....

**Xác nhận của chính quyền địa phương**  
**Cấp phường xã nơi chủ phương tiện**  
**thường trú (nếu chủ phương tiện là cá nhân)**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Chủ phương tiện**  
(Ký tên, đóng dấu)

09685446

Phụ lục số 5

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỐ...../ĐK

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

Tên phương tiện:..... Số đăng ký.....

Chủ phương tiện: .....

Địa chỉ chủ phương tiện .....

Đã được đăng ký có đặc điểm sau:

Nhân hiệu .....

Nước sản xuất ..... Nhà sản xuất..... Năm sản xuất.....

Động cơ (Số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất) .....

**ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT**

Khổ đường (mm)	
Tự trọng (Tấn)	
Tải trọng (Tấn) - Số chỗ	
Kiểu truyền động	
Công thức trục	
Loại giá chuyển hướng	
Kích thước lớn nhất của phương tiện: dài, cao, rộng	
Kiểu loại phương tiện	

Hà Nội, Ngày .....tháng.....năm .....

**CỤC TRƯỞNG**  
**CỤC ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM**  
 (Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục 6**

**QUY ĐỊNH CÁCH VIẾT KÝ HIỆU LOẠI TOA XE TRONG SỐ ĐĂNG KÝ**

**I. ĐỐI VỚI TOA XE KHÁCH**

**1. Đối với toa xe khách khổ đường 1000mm không có điều hòa không khí**

Toa xe chở khách		Toa xe phục vụ hành khách	
Thiết bị phục vụ	Ký hiệu	Thiết bị phục vụ	Ký hiệu
- Toa xe giường nằm mềm	<b>AN</b>	- Toa xe hàng cơm	<b>HC</b>
- Toa xe giường nằm cứng	<b>BN</b>	- Toa xe chở hành lý bao gửi	<b>HL</b>
- Toa xe ghế ngồi mềm	<b>AA</b>	- Toa xe công vụ - phát điện	<b>CVPĐ</b>
- Toa xe ghế ngồi cứng	<b>BB</b>		
- Toa xe ghế ngồi dọc	<b>CC</b>		

**2. Đối với toa xe khách khổ đường 1000mm có điều hòa không khí**

Toa xe chở khách		Toa xe phục vụ hành khách	
Thiết bị phục vụ	Ký hiệu	Thiết bị phục vụ	Ký hiệu
- Toa xe giường nằm mềm	<b>ANl</b>	- Toa xe hàng cơm	<b>HCl</b>
- Toa xe giường nằm cứng	<b>BNl</b>	- Toa xe công vụ - phát điện	<b>CVPĐl</b>
- Toa xe ghế ngồi mềm	<b>AAl</b>		
- Toa xe ghế ngồi cứng	<b>BBl</b>		
- Toa xe ghế ngồi dọc	<b>CCl</b>		

**3. Đối với toa xe khách khổ đường 1435mm không có điều hòa không khí**

Toa xe chở khách		Toa xe phục vụ hành khách	
Thiết bị phục vụ	Ký hiệu	Thiết bị phục vụ	Ký hiệu
- Toa xe giường nằm mềm	<b>ANr</b>	- Toa xe hàng cơm	<b>HCr</b>
- Toa xe giường nằm cứng	<b>BNr</b>	- Toa xe chở hành lý bao gửi	<b>HLr</b>
- Toa xe ghế ngồi mềm	<b>AAr</b>	- Toa xe công vụ - phát điện	<b>CVPĐr</b>
- Toa xe ghế ngồi cứng	<b>BBr</b>		
- Toa xe ghế ngồi dọc	<b>CCr</b>		

#### 4. Đối với toa xe khách khổ đường 1435mm có điều hòa không khí

Toa xe chở khách		Toa xe phục vụ hành khách	
Thiết bị phục vụ	Ký hiệu	Thiết bị phục vụ	Ký hiệu
- Toa xe giường nằm mềm	<b>ANlr</b>	- Toa xe hàng cơm	<b>HClr</b>
- Toa xe giường nằm cứng	<b>BNlr</b>	- Toa xe công vụ - phát điện	<b>CVPĐlr</b>
- Toa xe ghế ngồi mềm	<b>AAlr</b>		
- Toa xe ghế ngồi cứng	<b>BBlr</b>		
- Toa xe ghế ngồi dọc	<b>CClr</b>		

## II. ĐỐI VỚI TOA XE HÀNG

### 1. Đối với toa xe hàng khổ đường 1000mm

Ký hiệu	Ý NGHĨA CỦA KÝ HIỆU
<b>GG</b>	Toa xe thành cao có mui
<b>HH</b>	Toa xe thành cao
<b>NN</b>	Toa xe thành thấp
<b>MM</b>	Toa xe mặt bằng
<b>MVT</b>	Toa xe mặt vồng
<b>PP</b>	Toa xe xitéc
<b>XT</b>	Toa xe trưởng tàu

### 2. Đối với toa xe hàng khổ đường 1435mm

Ký hiệu	Ý NGHĨA CỦA KÝ HIỆU
<b>GGr</b>	Toa xe thành cao có mui
<b>HHr</b>	Toa xe thành cao
<b>NNr</b>	Toa xe thành thấp
<b>MMr</b>	Toa xe mặt bằng
<b>MVTr</b>	Toa xe mặt vồng
<b>PPr</b>	Toa xe xitéc
<b>XTr</b>	Toa xe trưởng tàu



**QUY ĐỊNH VỀ KIỂU CHỮ, KÍCH THƯỚC  
CỦA CÁC CHỮ CÁI VÀ CHỮ SỐ TRONG SỐ ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT**

**I. Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng đường sắt**

1. Kiểu chữ và số:

Theo phong chữ **VNHELVETINSH** của bảng mã TCVN3-ABC.

2. Kích thước chữ và số:

a) Nhóm chữ chỉ tên cơ quan đăng ký:

Có kích thước bằng 245 đơn vị (1 đơn vị = 0,22mm); khoảng cách giữa các chữ là 5mm.

b) Nhóm chữ và số đăng ký:

Có kích thước bằng 560 đơn vị (1 đơn vị = 0,22mm); khoảng cách giữa các chữ và số là 10mm.

c) Dấu gạch ngang:

Dài 50mm, rộng 20mm.

3. Đối với đầu máy, phương tiện chuyên dùng khổ đường tiêu chuẩn 1435mm:

Ngoài quy định về kiểu, kích thước các chữ cái và số tại điểm 1, 2 trên thì riêng chữ cái “r” có kiểu chữ theo phong chữ **VnHelvetIns** của bảng mã TCVN3-ABC và có kích thước là 250 đơn vị (1 đơn vị = 0,22mm).

**II. Đối với toa xe**

1. Kiểu chữ và số:

Theo phong chữ **VNHELVETINSH** của bảng mã TCVN3-ABC.

2. Kích thước chữ và số:

a) Nhóm chữ chỉ tên cơ quan đăng ký:

Có kích thước bằng 245 đơn vị (1 đơn vị = 0,22mm); khoảng cách giữa các chữ và số là 5mm.

b) Nhóm chữ và số đăng ký:

Có kích thước bằng 245 đơn vị (1 đơn vị = 0,22mm); khoảng cách giữa các chữ và số là 5mm.

c) Dấu gạch ngang:

Dài 35mm, rộng 15mm.

3. Đối với toa xe khổ đường tiêu chuẩn 1435mm; toa xe khách có điều hòa không khí:

Ngoài quy định về kiểu, kích thước các chữ cái và số tại điểm 1, 2 trên, thì riêng các chữ cái “r”, “l” có kiểu chữ theo phong chữ **VnHelvetica** của bảng mã **TCVN3-ABC** và có kích thước là 120 đơn vị (1 đơn vị = 0,22mm).